

Bản án số: 98/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 22-12-2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn An;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hữu Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Trần Văn R, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp PĐ, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

**- Bị đơn:** Chị Lê Thị Minh B, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú tại: Ấp PL, xã PN, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Khu phố AB, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2020 và bản tự khai - nguyên đơn anh Trần Văn R trình bày:*

Anh và chị Lê Thị Minh B tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống chung nhà với mẹ của anh tại ấp PĐ, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn

nguyên nhân do tính tình không hợp nhau nên dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 năm nay.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Nay anh yêu cầu ly hôn với chị B. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị Minh B trình bày:*

Chị thừa nhận lời trình bày của anh R là đúng về thời gian kết hôn, con chung, tài sản và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị và mẹ anh R có mâu thuẫn nhưng do anh R luôn nghe lời của mẹ từ đó vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng tự sống ly thân khoảng 07 năm nay.

Nay chị đồng ý ly hôn với anh R. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn R và chị Lê Thị Minh B.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Chị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về hôn nhân: Anh R và chị B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ. Trong thời gian chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau và tự sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay anh R yêu cầu ly hôn với chị B, chị B cũng đồng ý ly hôn. Do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa anh R và chị B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh R đối với chị B.

[3] Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn R và chị Lê Thị Minh B.

Anh Trần Văn R được ly hôn với chị Lê Thị Minh B.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0014563 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; anh R đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- Chi cục THADSTX.Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Đông;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Cẩm**